

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình  
chăm sóc hàng rào xanh cây Bồ kết trồng năm 2021 tại Khu bảo tồn loài  
và sinh cảnh Voi, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;*

*Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;*

*Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành đơn giá tiền lương lao động trực tiếp sản xuất trong lĩnh vực lâm nghiệp áp dụng tạm thời trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;*

*Xét đề nghị của Ban quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voi tại Tờ trình số 12/TTr-BQL ngày 06/6/2022 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình chăm sóc hàng rào xanh cây Bồ kết trồng năm 2021 tại Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voi, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 139/TTr-SNN&PTNT ngày 23/6/2022 (kèm theo Báo cáo thẩm định số 114/BC-CCKL ngày 09/6/2022 của Chi cục Kiểm lâm).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật Công trình chăm sóc hàng rào xanh cây Bồ kết trồng năm 2021 tại Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voi, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam do Ban quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voi thực hiện với các nội như sau:

### **1. Tên công trình, chủ đầu tư**

- Tên công trình: Chăm sóc hàng rào xanh cây Bồ kết trồng năm 2021 tại Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voi, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Nam.

- Chủ đầu tư: Ban quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voi.

### **2. Địa điểm**

Tại khoảnh 6, 7 tiểu khu 453, khoảnh 1 tiểu khu 459, khoảnh 4 tiểu khu 460, xã Quế Lâm, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

### **3. Mục tiêu**

Tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng, phát triển; hạn chế, ngăn ngừa xâm lấn của thực bì làm ảnh hưởng đến sự phát triển của cây trồng rừng.

### **4. Quy mô và nội dung công trình:**

- Quy mô: Tổng diện tích thiết kế chăm sóc: 11,3 ha.

- Nội dung: Thuyết minh thiết kế kỹ thuật chăm sóc hàng rào xanh trồng bằng cây Bồ kết.

### **5. Giải pháp kỹ thuật chăm sóc hàng rào xanh trồng bằng cây Bồ kết**

Hàng rào xanh trồng bằng cây Bồ kết được chăm sóc liên tục trong 4 năm, với số lần chăm sóc cho các năm 2-3-2-1, cụ thể:

- Chăm sóc năm 1: 2 lần.

+ Lần 1: Vào tháng 7-8. Nội dung: Phát dọn thực bì theo băng trồng, không chặt cây gỗ và cây tái sinh mục đích (nếu có), cắt bỏ dây leo bu bám trên cây trồng, đẫy cỏ và cuốc thực quanh gốc cây với đường kính 0,8 - 1,0 m.

+ Lần 2: Vào tháng 11-12. Nội dung: Phát dọn thực bì theo băng trồng, không chặt cây gỗ và cây tái sinh mục đích (nếu có), cắt bỏ dây leo bu bám trên cây trồng. Tra dặm cây chết cho đạt mật độ thiết kế ban đầu. Cây trồng dặm (cây Bồ Kết) có chiều cao 40-60cm, đường kính gốc 0,4-0,6 cm; cây khỏe mạnh, không cong queo, gãy ngọn, không sâu bệnh, không vỡ bầu, rễ cây hình thành nhiều nốt sần; thời gian nuôi cây trong vườn ươm: từ 10-12 tháng.

- Chăm sóc năm 2: 3 lần.

+ Lần 1: Vào tháng 3-4. Nội dung: Phát dọn thực bì theo băng trồng, không chặt cây gỗ và cây tái sinh mục đích (nếu có), cắt bỏ dây leo bu bám trên cây trồng.

+ Lần 2: Vào tháng 7-8. Nội dung: Phát dọn thực bì theo băng trồng, không chặt cây gỗ và cây tái sinh mục đích (nếu có), cắt bỏ dây leo bu bám trên cây trồng, dây cỏ và cuốc thực quanh gốc cây với đường kính 0,8 - 1,0 m.

+ Lần 3: Vào tháng 11-12. Nội dung: Phát dọn thực bì theo băng trồng, không chặt cây gỗ và cây tái sinh mục đích (nếu có), cắt bỏ dây leo bu bám trên cây trồng.

- Chăm sóc năm 3: 2 lần.

+ Lần 1: Vào tháng 5-6. Nội dung: Phát dọn thực bì theo băng trồng, không chặt cây gỗ và cây tái sinh mục đích (nếu có), cắt bỏ dây leo bu bám trên cây trồng.

+ Lần 2: Vào tháng 10-11. Nội dung: Phát dọn thực bì theo băng trồng, không chặt cây gỗ và cây tái sinh mục đích (nếu có), cắt bỏ dây leo bu bám trên cây trồng và cuốc thực quanh gốc cây với đường kính 0,8 - 1,0 m.

- Chăm sóc năm 4: 1 lần. Vào tháng 7-8. Nội dung: Phát dọn thực bì theo băng trồng, không chặt cây gỗ và cây tái sinh mục đích (nếu có), cắt bỏ dây leo bu bám trên cây trồng dây cỏ và cuốc thực quanh gốc cây với đường kính 0,8 - 1,0 m.

## 6. Bảo vệ rừng

Thường xuyên bảo vệ rừng trồng, không để gia súc (trâu, bò, dê,...) và người vào phá hoại; không để xảy ra cháy rừng ở khu vực rừng trồng; ngoài ra, theo dõi tình hình sâu bệnh, kịp thời báo với cơ quan chuyên môn để có biện pháp xử lý.

## 7. Dự toán và nguồn vốn

### 7.1. Dự toán:

- Chi phí xây dựng:	699.586.311 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	20.987.589 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	20.700.759 đồng;
- Chi phí khác:	8.602.886 đồng.

Tổng cộng: 749.877.545 đồng;

Tổng chi phí làm tròn: 749.878.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

(*Có Biểu chi tiết kèm theo*)

7.2. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn tiền lãi từ tiền gửi nguồn thu trồng rừng thay thế theo Công văn số 5747/UBND-KTN ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh.

## 8. Tiến độ thực hiện

Thực hiện từ năm 2022 và kết thúc vào năm 2025, cụ thể:

- Năm 2022: Chăm sóc hàng rào xanh năm thứ nhất.

- Năm 2023: Chăm sóc hàng rào xanh năm thứ hai.
- Năm 2024: Chăm sóc hàng rào xanh năm thứ ba.
- Năm 2025: Chăm sóc hàng rào xanh năm thứ tư.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

- Ban quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voi có trách nhiệm tổ chức thực hiện Công trình chăm sóc hàng rào xanh cây Bồ kết trồng năm 2021 tại Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voi, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam theo đúng quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, đảm bảo tiến độ và tiêu chuẩn thành rừng theo quy định.

- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh có trách nhiệm giải ngân kinh phí thực hiện Công trình chăm sóc hàng rào xanh cây Bồ kết trồng năm 2021 tại Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voi, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam theo đúng tiến độ và quy định hiện hành của nhà nước.

- Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm) theo dõi, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra việc thực hiện chăm sóc hàng rào xanh cây Bồ kết của chủ đầu tư theo đúng nội dung phê duyệt của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; Giám đốc Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voi; Chủ tịch UBND huyện Nông Sơn và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Nam 2022\Quyết định\07 04 phê duyệt BCKTKT công trình chăm sóc hàng rào xây xanh Bồ kết trong năm 2021.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**

**BIỂU 01. DỰ TOÁN CHI PHÍ CHĂM SÓC HÀNG RÀO XANH**

Công trình: Chăm sóc Hàng rào xanh cây Bồ kết trồng năm 2021 tại KBT loài và sinh cảnh Voi.

Địa điểm: Xã Quế Lâm, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Diện tích: 11,3 ha

(Kèm theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

VN đồng

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Hệ số	Khối lượng	Công	Đơn giá	Dự toán tính cho 1 ha	Dự toán tính cho 11,3 ha
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<b>Chi phí chăm sóc rừng (1+2+3+4)</b>							<b>55.888.326</b>	<b>631.538.083</b>
<b>1</b>	<b>Chăm sóc rừng năm thứ nhất (a+b)</b>							<b>19.573.137</b>	<b>221.176.454</b>
<b>a</b>	<b>Chi phí nhân công</b>					<b>78,79</b>	<b>163.900</b>	<b>12.913.137</b>	<b>145.918.454</b>
-	Phát chăm sóc lần 1	m <sup>2</sup>	512 m <sup>2</sup> /công		7.500	14,65	163.900	2.400.879	27.129.932
-	Phát chăm sóc lần 2	m <sup>2</sup>	779 m <sup>2</sup> /công		7.500	9,63	163.900	1.577.985	17.831.226
-	Vận chuyển cây và trồng dặm 10%	cây	93 cây/công		333	3,58	163.900	586.868	6.631.605
-	Dẫn cỏ, xới gốc 0,8-1 m	cây	79 cây/công		3.333	42,19	163.900	6.914.920	78.138.599
-	Bảo vệ	ha	8,74 công/ha		1	8,74	163.900	1.432.486	16.187.092
<b>b</b>	<b>Chi phí vật tư</b>							<b>6.660.000</b>	<b>75.258.000</b>
-	Cây giống	cây			333		20.000	6.660.000	75.258.000
<b>2</b>	<b>Chăm sóc rừng năm thứ 2</b>							<b>13.904.254</b>	<b>157.118.074</b>
<b>*</b>	<b>Chi phí nhân công</b>					<b>84,83</b>	<b>163.900</b>	<b>13.904.254</b>	<b>157.118.074</b>
-	Phát chăm sóc lần 1	m <sup>2</sup>	512 m <sup>2</sup> /công		7.500	14,65	163.900	2.400.879	27.129.932
-	Phát chăm sóc lần 2	m <sup>2</sup>	779 m <sup>2</sup> /công		7.500	9,63	163.900	1.577.985	17.831.226
-	Phát chăm sóc lần 3	m <sup>2</sup>	779 m <sup>2</sup> /công		7.500	9,63	163.900	1.577.985	17.831.226
-	Dẫn cỏ, xới gốc 0,8-1 m	cây	79 cây/công		3.333	42,19	163.900	6.914.920	78.138.599
-	Bảo vệ	ha	8,74 công/ha		1	8,74	163.900	1.432.486	16.187.092
<b>3</b>	<b>Chăm sóc rừng năm thứ 3</b>							<b>12.181.062</b>	<b>137.646.004</b>
<b>*</b>	<b>Chi phí nhân công</b>					<b>74,32</b>	<b>163.900</b>	<b>12.181.062</b>	<b>137.646.004</b>
-	Phát chăm sóc lần 1	m <sup>2</sup>	630 m <sup>2</sup> /công		7.500	11,90	163.900	1.951.190	22.048.452
-	Phát chăm sóc lần 2	m <sup>2</sup>	653 m <sup>2</sup> /công		7.500	11,49	163.900	1.882.466	21.271.861
-	Dẫn cỏ, xới gốc 0,8-1 m	m <sup>2</sup>	79 cây/công		3.333	42,19	163.900	6.914.920	78.138.599
-	Bảo vệ	ha	8,74 công/ha		1	8,74	163.900	1.432.486	16.187.092

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Hệ số	Khối lượng	Công	Đơn giá	Dự toán tính cho 1 ha	Dự toán tính cho 11,3 ha
<b>4</b>	<b>Chăm sóc rừng năm thứ 4</b>							<b>10.229.872</b>	<b>115.597.551</b>
*	<b>Chi phí nhân công</b>					<b>11,49</b>	<b>163.900</b>	<b>10.229.872</b>	<b>115.597.551</b>
-	Phát chăm sóc lần 1	m <sup>2</sup>	653 m <sup>2</sup> /công		7.500	11,49	163.900	1.882.466	21.271.861
-	Dẫy cỏ, xới góc 0,8-1 m	m <sup>2</sup>	79 cây/công		3.333	42,19	163.900	6.914.920	78.138.599
-	Bảo vệ	ha	8,74 công/ha		1	8,74	163.900	1.432.486	16.187.092

## Biểu 02. DỰ TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ

**Công trình:** Chăm sóc Hàng rào xanh cây Bồ kết trồng năm 2021 tại KBT loài và sinh cảnh Voi.

**Địa điểm:** Xã Quế Lâm, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**Diện tích:** 11,3 ha

(Kèm theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: VN đồng

TT	Hạng mục	Dự toán Bình quân cho 1 ha	Dự toán cho 11,3 ha
<b>I</b>	<b>Chi phí vật tư</b>	<b>6.660.000</b>	<b>75.258.000</b>
1	Cây giống	6.660.000	75.258.000
<b>II</b>	<b>Chi phí nhân công</b>	<b>49.228.326</b>	<b>556.280.083</b>
-	Năm 2022: Chăm sóc năm thứ nhất	12.913.137	145.918.454
-	Năm 2023: Chăm sóc năm thứ hai	13.904.254	157.118.074
-	Năm 2024: Chăm sóc năm thứ ba	12.181.062	137.646.004
-	Năm 2025: Chăm sóc năm thứ tư	10.229.872	115.597.551
<b>III</b>	<b>Tổng (I+II)</b>	<b>55.888.326</b>	<b>631.538.083</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí chung: 5%*(III)</b>	<b>2.794.416</b>	<b>31.576.904</b>
<b>V</b>	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước: 5,5%*(III+IV)</b>	<b>3.227.551</b>	<b>36.471.324</b>
<b>VII</b>	<b>Chi phí QLDA</b>	<b>1.857.309</b>	<b>20.987.589</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí tư vấn ĐTXD</b>	<b>1.831.926</b>	<b>20.700.759</b>
-	Chi phí giám sát thi công	1.608.429	18.175.252
-	Chi phí lập Hồ sơ mời thầu	223.496	2.525.507
<b>IX</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>761.317</b>	<b>8.602.886</b>
-	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán công trình	373.917	4.225.266
-	Kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước	387.400	4.377.620
<b>Tổng chi phí đầu tư</b>		<b>66.360.845</b>	<b>749.877.545</b>
<b>Tổng chi phí đầu tư làm tròn</b>		<b>66.361.000</b>	<b>749.878.000</b>

**Biểu 03. KẾ HOẠCH PHÂN KỶ VỐN**

Công trình: Chăm sóc Hàng rào xanh cây Bồ kết trồng năm 2021 tại KBT loài và sinh cảnh Voi.

Địa điểm: Xã Quế Lâm, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Diện tích: 11,3 ha

(Kèm theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: đồng

TT	Năm	2022	2023	2024	2025	Tổng cộng
<b>I</b>	<b>Chi phí vật tư</b>	<b>75.258.000</b>				<b>75.258.000</b>
1	Cây giống	75.258.000				75.258.000
<b>II</b>	<b>Chi phí nhân công</b>	<b>145.918.454</b>	<b>157.118.074</b>	<b>137.646.004</b>	<b>115.597.551</b>	<b>556.280.083</b>
-	Năm 2022: Chăm sóc năm thứ nhất	145.918.454				145.918.454
-	Năm 2023: Chăm sóc năm thứ hai		157.118.074			157.118.074
-	Năm 2024: Chăm sóc năm thứ ba			137.646.004		137.646.004
-	Năm 2025: Chăm sóc năm thứ tư				115.597.551	115.597.551
<b>III</b>	<b>Tổng (I+II)</b>	<b>221.176.454</b>	<b>157.118.074</b>	<b>137.646.004</b>	<b>115.597.551</b>	<b>631.538.083</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí chung: (5%*III)</b>	<b>11.058.823</b>	<b>7.855.904</b>	<b>6.882.300</b>	<b>5.779.878</b>	<b>31.576.904</b>
<b>V</b>	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước: (5,5*(III+IV))</b>	<b>12.772.940</b>	<b>9.073.569</b>	<b>7.949.057</b>	<b>6.675.759</b>	<b>36.471.324</b>
<b>VI</b>	<b>Chi phí quản lý Dự án (3%)</b>	<b>7.350.246</b>	<b>5.221.426</b>	<b>4.574.321</b>	<b>3.841.596</b>	<b>20.987.589</b>
<b>VII</b>	<b>Chi phí tư vấn ĐTXD</b>	<b>7.978.082</b>	<b>4.543.813</b>	<b>4.543.813</b>	<b>3.635.050</b>	<b>20.700.759</b>
-	Chi phí giám sát thi công	5.452.576	4.543.813	4.543.813	3.635.050	18.175.252
-	Chi phí lập Hồ sơ mời thầu	2.525.507				2.525.507
<b>VIII</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>2.578.323</b>	<b>2.142.138</b>	<b>2.015.499</b>	<b>1.866.925</b>	<b>8.602.886</b>
-	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán công trình	1.483.918	1.047.733	921.094	772.520	4.225.266
-	Kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước	1.094.405	1.094.405	1.094.405	1.094.405	4.377.620
	<b>Tổng chi phí</b>	<b>262.914.869</b>	<b>185.954.924</b>	<b>163.610.994</b>	<b>137.396.759</b>	<b>749.877.545</b>
	<b>Tổng chi phí làm tròn</b>	<b>262.915.000</b>	<b>185.955.000</b>	<b>163.611.000</b>	<b>137.397.000</b>	<b>749.878.000</b>



## Biểu 04. DỰ TOÁN CHI PHÍ GIÁM SÁT THI CÔNG

Công trình: Chăm sóc Hàng rào xanh cây Bồ kết trồng năm 2021 tại KBT loài và sinh cảnh Voi.

Địa điểm: Xã Quế Lâm, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Diện tích: 11,3 ha

(Kèm theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: đồng

TT	Hạng mục công việc	Công	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	8% VAT	Tổng sau thuế
	<b>Chăm sóc rừng (8lần/4năm)</b>	<b>85,30</b>	<b>193.700</b>	<b>16.522.957</b>	<b>1.652.296</b>	<b>18.175.252</b>
<b>a</b>	<b>Năm 2022 (2 lần)</b>	<b>25,59</b>	<b>193.700</b>	<b>4.956.887</b>	<b>495.689</b>	<b>5.452.576</b>
	Phát dọn thực bì	13,54	193.700	2.622.193	262.219	2.884.413
	Dẫy cỏ, xới gốc	7,45	193.700	1.442.454	144.245	1.586.700
	Trồng dặm	1,56	193.700	302.370	30.237	332.607
	Bảo vệ	3,05	193.700	589.870	58.987	648.857
<b>b</b>	<b>Năm 2023 (3 lần)</b>	<b>21,33</b>	<b>193.700</b>	<b>4.130.739</b>	<b>413.074</b>	<b>4.543.813</b>
	Phát dọn thực bì	12,03	193.700	2.329.737	232.974	2.562.711
	Dẫy cỏ, xới gốc	6,59	193.700	1.276.398	127.640	1.404.038
	Bảo vệ	2,71	193.700	524.604	52.460	577.064
<b>c</b>	<b>Năm 2024 (2 lần)</b>	<b>21,33</b>	<b>193.700</b>	<b>4.130.739</b>	<b>413.074</b>	<b>4.543.813</b>
	Phát dọn thực bì	8,32	193.700	1.610.988	161.099	1.772.087
	Dẫy cỏ, xới gốc	9,21	193.700	1.784.479	178.448	1.962.927
	Bảo vệ	3,80	193.700	735.272	73.527	808.799
<b>d</b>	<b>Năm 2025 (1 lần)</b>	<b>17,06</b>	<b>193.700</b>	<b>3.304.591</b>	<b>330.459</b>	<b>3.635.050</b>
	Phát dọn thực bì	6,65	193.700	1.288.791	128.879	1.417.670
	Dẫy cỏ, xới gốc	7,37	193.700	1.427.583	142.758	1.570.342
	Bảo vệ	3,04	193.700	588.217	58.822	647.039